

Số 04 /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 52/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 304/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh; số 1223/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh tại Tờ trình số 315/LMHTX-QHT ngày 15/12/2025; trên cơ sở kết quả biểu quyết thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (qua phiếu biểu quyết);

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 06/03/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 8; Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Các Sở Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- NHNN Khu vực 8;
- Liên minh HTX tỉnh Hà Tĩnh;
- Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL, TH₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Huy Thành

QUY ĐỊNH

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh**
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND / /2026 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Việc tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Hà Tĩnh, Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 08/5/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Hà Tĩnh;

b) Việc tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã được Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã cho vay theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Điều lệ này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Quỹ*” là Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

2. “*Nghị định số 45/2021/NĐ-CP*” là Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3. “*Khách hàng*” là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã được cho vay của Quỹ.

4. “*Cho vay*” là việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

5. “Ủy thác cho vay” là việc Quỹ giao vốn cho bên nhận ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ.

6. “Nhận ủy thác cho vay” là việc Quỹ nhận vốn của bên ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ theo thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

7. “Vốn điều lệ thực có” là mức vốn điều lệ trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm.

8. “Nợ xấu” là nợ thuộc các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy chế về phân loại nợ của Quỹ hợp tác xã.

9. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

10. “Người quản lý Quỹ” là Chủ tịch Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ và người giữ chức danh khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

11. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi (nếu có); văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi bằng tiếng Việt: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

b) Tên viết tắt: HTCDAF;

c) Tên giao dịch quốc tế: HaTinh Province Co-operative Development Assistance Fund.

2. Trụ sở chính: Số 75, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Trang điện tử:

a) Email: quyhotrophattrienhtx@gmail.com

b) Website: <https://quyhotrophattrienhtxhatinh.vn>

Điều 4. Địa vị pháp lý và mô hình hoạt động, tư cách pháp nhân

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 304/QĐ-

UBND ngày 05/02/2009 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và pháp luật có liên quan.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quỹ được thành lập, tổ chức, hoạt động, phá sản và giải thể theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Cho vay theo đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.
3. Phạm vi hoạt động: Hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 6. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ của Quỹ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

Căn cứ khả năng cân đối, ngân sách tỉnh bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 56/2021/NQHĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025. Trường hợp Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND được sửa đổi hoặc hết hiệu lực, mức hỗ trợ bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thông qua trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính.

Điều 7. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước; các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định trong Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

5. Ủy thác, nhận ủy thác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan cấp trên giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUỸ**

Điều 8. Cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện theo pháp luật của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

a. Chủ tịch Quỹ.

b. Kiểm soát viên.

c. Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 9. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ; nhiệm kỳ của Chủ tịch Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Quỹ do một lãnh đạo Liên minh hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh kiêm nhiệm. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định về tiêu chuẩn cán bộ có liên quan.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đối với chức danh kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ.

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 10. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên Quỹ giúp Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch và Giám đốc Quỹ hợp tác xã địa phương và các nội dung khác có liên quan.

Kiểm soát viên Quỹ do UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm. Việc bổ nhiệm Kiểm soát viên Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và khoản 3 Điều này.

Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP

2. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4. Chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát viên

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, Điều lệ này, Quyết định của Chủ tịch Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch thực hiện, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 11. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ; do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ; nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Việc bổ nhiệm Giám đốc Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Giám đốc Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;

b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này; thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Giám đốc ủy quyền lại cho Phó Giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Chủ tịch Quỹ để Chủ tịch Quỹ trình cấp có thẩm quyền hoặc thông qua theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện;

d) Ban hành hoặc trình Chủ tịch Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc sau khi được Chủ tịch Quỹ phê duyệt. Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật;

g) Dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

h) Ký các hợp đồng nhân danh Quỹ theo ủy quyền của Chủ tịch Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền bắt buộc phải là Chủ tịch Quỹ;

i) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

k) Quyết định tuyển dụng, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ theo Bộ Luật lao động. Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ và quy định pháp luật;

l) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

m) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;

n) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ, không sử dụng thông tin, bí quyết hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ và Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 12. Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ

Chủ tịch Quỹ ban hành quy định nội bộ về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ.

Điều 13. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quyết định nhưng tối đa không quá 02 (hai) người (*tùy theo quy mô, nhu cầu quản lý Quỹ*).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ;

b) Thực hiện đúng nội dung ủy quyền trong thời gian Giám đốc vắng mặt;

c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 14. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Quỹ theo phân công của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Kế toán trưởng của Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp *(người đại diện theo pháp luật)* giám sát tài chính tại Quỹ;

b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

c) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

đ) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 15. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên sau khi được Chủ tịch quỹ phê duyệt.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc

Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tuyển dụng

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 5 (năm) năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động;

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.

6. Khen thưởng và kỷ luật

a) Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng do Chủ tịch Quỹ ban hành.

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ này và các quy định nội bộ của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Quỹ và pháp luật có liên quan.

Chương III **NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH BẢO MẬT,** **CÔNG KHAI THÔNG TIN**

Điều 16. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 17. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của Cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ.

Điều 18. Chế độ lưu giữ tài liệu của Quỹ

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ:

- a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các quy chế quản lý nội bộ của Quỹ;
- b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;
- c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;
- d) Báo cáo của Kiểm soát viên; Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- đ) Hồ sơ tín dụng;
- e) Tài sản bảo đảm;
- g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;
- h) Các tài liệu khác theo quy định nội bộ của Quỹ, Điều lệ này và pháp luật liên quan.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Bảo mật và công khai thông tin

1. Những người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ những thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.

2. Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc Quỹ hoặc người được Giám đốc Quỹ ủy quyền.

3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IV HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 20. Cho vay

1. Đối tượng cho vay

- a) Đối tượng cho vay:

- Cá nhân là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp);

- Pháp nhân là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b) Đối tượng được ưu tiên cho vay từ nguồn vốn Quỹ: Là các đối tượng cho vay trên khi đầu tư:

- Dự án thuộc lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Dự án, phương án kinh doanh hàng xuất khẩu theo quy định của Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn Luật Thương mại.

- Dự án phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Dự án ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn Luật Công nghệ cao.

- Đối tượng ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trên phạm vi tỉnh Hà Tĩnh.

3. Điều kiện cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm.

6. Phương thức cho vay

a) Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay đối với khách hàng và giao kết thỏa thuận cho vay.

b) Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định và thỏa thuận với khách hàng hạn mức cho vay tối đa duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét xác định lại hạn mức cho vay tối đa và thời gian duy trì hạn mức này

c) Cho vay hợp vốn: Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện một phương án, dự án vay vốn.

d) Các phương thức cho vay khác theo quy định của pháp luật.

7. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay, thu nợ thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Chủ tịch Quỹ quy định lãi suất cho vay, lãi quá hạn trong từng thời kỳ sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định miễn, giảm lãi đối với từng trường hợp cụ thể.

8. Bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay (Điều chỉnh kỳ hạn nợ, số tiền trả nợ, gia hạn nợ).

10. Quỹ ban hành quy định về nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Nhận ủy thác cho vay

1. Quỹ nhận ủy thác cho vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Quỹ được hưởng phí ủy thác, mức phí nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

3. Chủ tịch quỹ ban hành quy định nhận ủy thác cho vay của Quỹ.

Điều 22. Huy động vốn

1. Quỹ thực hiện huy động vốn thông qua các hình thức sau:

a) Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính;

b) Vay của tổ chức, cá nhân ngoài Quỹ;

c) Vay của người lao động trong Quỹ;

d) Nhận tiền gửi từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam;

đ) Phát hành trái phiếu;

e) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ;

b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

e) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Chủ tịch Quỹ quyết định việc huy động vốn tối đa không vượt quá 5 (năm) lần vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Quỹ tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

c) Trường hợp huy động vốn vượt quá mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch Quỹ báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xem xét, quyết định.

4. Chủ tịch Quỹ xây dựng Đề án huy động vốn từ thị trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt; ban hành quy chế huy động vốn của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

Chương V

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 23. Quan hệ với Hội đồng nhân dân tỉnh

Quỹ chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện và quản lý Quỹ theo Quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 24. Quan hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động của Quỹ.

2. Định kỳ hàng năm và đột xuất, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ theo quy định.

3. Trong quá trình hoạt động, Quỹ kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân phát sinh với Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động của Quỹ.

4. Hàng năm, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả hoạt động của Quỹ, đề xuất những giải pháp khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Định kỳ 6 tháng và hàng năm Quỹ lập và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Quỹ xây dựng, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh để Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành.

Điều 25. Quan hệ với Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo Điều lệ Quỹ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo với Liên minh Hợp tác xã tỉnh để phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả và xếp loại Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Quan hệ với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 8 và các sở, ngành liên quan

1. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của các sở, ngành về các nghiệp vụ, các lĩnh vực liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu quản lý của các sở, ngành liên quan trong tỉnh.

2. Quỹ có trách nhiệm báo cáo với Liên minh hợp tác xã tỉnh, đề xuất Sở Tài Chính, các cơ quan và đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định về nội dung điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ của Quỹ theo từng thời kỳ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước khu vực 8 theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 27. Quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác

1. Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp ở trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ hoặc theo đề nghị của các đơn vị này.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- a) Nội dung hợp tác không trái với các quy định của pháp luật;
- b) Bình đẳng, cùng có lợi;
- c) An toàn, hiệu quả.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA QUỸ HỖ TRỢ VỚI PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ HÀ TĨNH VÀ QUỸ HỖ TRỢ VỚI PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 28. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam theo các nguyên tắc sau:

- 1. Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- 2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.
- 3. Thực hiện trên cơ sở phối hợp hoạt động có sự thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Điều 29. Nội dung phối hợp hoạt động

1. Nhận ủy thác vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam thực hiện hoạt động cho vay.
2. Cho vay hợp vốn đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, khả thi theo nhu cầu của các bên.
3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và ngược lại.
4. Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh Hà Tĩnh khác.
5. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ công nhân viên của Quỹ.
6. Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.
8. Lập và gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm theo **Điều 25** Điều lệ này về Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để tổng hợp báo cáo Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định.
9. Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ

Điều 30. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác, Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, Quỹ đưa ra cơ quan trọng tài hoặc tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 31. Các trường hợp giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 33. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 34. Phá sản Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 35. Chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 50 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ này.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc có quy định mới của văn bản trung ương khác với nội dung Điều lệ này thì được áp dụng văn bản của cấp trên để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thỏa thuận khác.

2. Bộ máy giúp việc, người lao động đang làm việc tại Quỹ được giữ nguyên, tiếp tục công tác tại mô hình mới để đảm bảo tính liên tục, kế thừa và ổn định.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình hoạt động, trường hợp có sự thay đổi của pháp luật liên quan đến Điều lệ này, các quy định trong Điều lệ không còn phù hợp với thực tế hoặc cần thay đổi, Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp./.